| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN T.P PHỔ YÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2023/HN&GĐ - ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
*V/v: "Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;
2. Ông Đặng Minh Thảo.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà:*** Bà Lê Phương Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 67/2023/HN&GĐ-ST ngày 10/4/2023 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXX- ST, ngày 29/5/2023, giữa:

**Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1981;**

ĐKHKTT: Xóm Tân Cương, xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1979;**

ĐKHKTT: Xóm Tân Cương, xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang cư trú tại: Số nhà 270, đường Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*(Có mặt chị H, vắng mặt anh H do có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh H kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên (nay là xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên). Tỉnh Thái Nguyên, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 25/12/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm Tân Cương, xã Vạn

Phái. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn về tình cảm mà cả hai không tìm được tiếng nói chung, kèm theo đó anh H quan hệ ngoại tình, chơi bời cờ bạc, vợ chồng ly thân từ hơn 10 năm nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh H cũng thường xuyên đi làm ăn xa nhà, hiện đang làm ăn tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nên vợ chồng không liên lạc qua lại về tình cảm và tinh thần. Hiện cả hai ly thân thời gian dài mỗi người một nơi mà không có sự quan tâm chia sẻ cùng nhau, vợ chồng chị cũng thống nhất thỏa thuận giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên. Do vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

*Về con chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung: cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày 30/12/2002; Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 23/01/2005. Nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

*Về tài sản chung*: Chị xác định đất ở được cấp giấy chứng nhận số bìa CR 012386 do Sở Tài nguyên & môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/3/2019 thửa đất số 751, tờ bản đồ số 6, diện tích 551m$^2$, vị trí đất thuộc xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), mục đích sử dụng đất ở lâu dài là tài sản riêng có nguồn gốc được tặng cho từ bố mẹ đẻ. Do vậy, giữa chị và anh H không có tài sản chung nên không đặt ra việc giải quyết.

*Khoản nợ chung, cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

*Tại kết quả ủy thác thu thập chứng cứ đối với anh Nguyễn Mạnh H do Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng thực hiện, anh H trình bầy lời khai:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Dương Thị H xây dựng gia đình năm 2001 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế và quan điểm sống. Vì vậy, từ năm 2013 đến nay vợ chồng đã ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị H có đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành phiên hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân với chị Huệ.

*Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung: cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày 30/12/2002; Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 23/01/2005. Nay các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra việc giải quyết.

*Về tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung*: Không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Hiện nay anh đang sinh sống tại số nhà 270, đường Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của

anh vẫn ở xóm Tân Cương, xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên nên anh đồng ý để Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên giải quyết vụ kiện ly hôn của anh với chị Dương Thị H. Anh cam đoan không thắc mắc khiếu kiện gì.

**Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:**

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị H được ly hôn với anh H.

- *Về con chung:* Đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Án phí:* Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn"*, Các đương sự đều có hộ khẩu tại xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, hiện bị đơn cư trú tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhưng đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên giải quyết xét xử vụ kiện. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H có đơn xin được xét xử vắng mặt, Kiểm sát viên đề nghị giải quyết vắng mặt đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2.2]. Về thủ tục hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải đoàn tụ, do đó thuộc trường hợp những vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được nên Toà án chấp nhận đơn của các bên đương sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không mở phiên họp hòa giải là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2001, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế và quan điểm sống. Khoảng thời gian từ năm 2013 đến ngày khởi kiện ly hôn tháng 4/2013, chị H và anh H thực sự ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh H đi làm ăn kinh tế tại tỉnh Lâm Đồng nên vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ cả về kinh tế và tình cảm. Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của anh H do Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, thực hiện biện pháp thu thập chứng cứ theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, anh H xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn tình cảm nên chị H đề nghị ly hôn anh nhất trí. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị H và anh H đã không có hạnh phúc và sự quan tâm, chia sẻ tình cảm vợ chồng theo đúng nghĩa từ nhiều năm nay, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài. Điều đó cho thấy cuộc sống chung của chị H và anh H không có hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ để xây dựng cuộc sống chung.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*. Từ lời khai của chị H và anh H cho thấy cả hai không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của

chị H, cho chị H được ly hôn với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung: cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày 30/12/2002; Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 23/01/2005. Nay các con đã trưởng thành phát triển bình thường và có cuộc sống riêng, pháp luật cũng quy định con đã trưởng thành bố mẹ không có nghĩa vụ phải nuôi dưỡng. Do đó, không đặt ra việc giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị H xác định không có tài sản chung, lời khai anh H cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung. Do vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị H đối với anh Nguyễn Mạnh H.

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Dương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh Hà.

*2. Về con chung:* Đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

*3. Về tài sản chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

*4. Về nợ chung, cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

*5. Về án phí:* Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị H được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, theo biên lai số 0001431 ngày 10/4/2023. Xác nhận chị Huệ đã nộp đủ.

*6. Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H tại phiên tòa. Báo cho biết đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (anh H) vắng mặt tại phiên tòa.

Báo cho biết, đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Vạn Phái (ĐKKH số 35, ngày 25/12/2001);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
| --- | --- |
| **Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Hồng Hải** | **Nguyễn Thị Thu Hà** |